

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2017



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2016 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014 có hiệu lực thi hành từ 01/7/2015;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Sài Gòn;
- Căn cứ Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) và tình hình hoạt động năm 2016 của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Sài Gòn;

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát xin Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 và công tác quản lý điều hành của Công ty như sau:

I. Về công tác tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát:

1. Về công tác tổ chức của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ Sài Gòn hiện nay được Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm bầu, gồm 03 thành viên:

- Ông Phạm Ngọc Toàn - ĐDV của Tổng Cty TMSG - Trưởng Ban Kiểm soát kể từ ngày 20/01/2017 (thay ông Nguyễn Hữu Trung nghỉ hưu);
- Ông Lê Quang Liêm - ĐDV của Tổng Cty TMSG - Thành viên;
- Ông Vũ Văn Ân - nhân sự là thành viên độc lập - Thành viên.

2. Về hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Tham gia các phiên họp của HĐQT để kịp thời có ý kiến về kế hoạch và tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh; về việc chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tham gia đóng góp ý kiến về việc xây dựng những quy định, quy chế quản trị nội bộ Công ty (khi có yêu cầu).
- Kiểm tra, giám sát các quy định nội bộ hiện hành để kiến nghị điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện kinh doanh trong bối cảnh hiện nay và các quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.
- Định kỳ hàng quý, hàng năm tổ chức thẩm định Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đưa ra những nhận xét kiến nghị về những báo cáo đó.

II. Tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính năm 2016:

1. Về kết quả hoạt động kinh doanh: ĐVT: đồng

CHỈ TIÊU		Năm 2016	Năm 2015	So sánh
1		2	3	4=2/3
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.403.134.838	105.677.671.355	101,63%
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.403.134.838	105.677.671.355	101,63%
4.	Giá vốn hàng bán	74.996.357.863	76.658.738.646	97,83%
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.406.776.975	29.018.932.709	111,67%
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	1.267.188.004	400.527.720	316,38%
7.	Chi phí tài chính ('Chi phí lãi vay': không)	3.779.018.223	3.266.584.497	115,69%
8.	Chi phí bán hàng	553.594.151	568.909.301	97,31%
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.622.162.562	16.549.877.738	112,52%
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10.719.190.043	9.034.088.893	118,65%
11.	Thu nhập khác	61.471.907	67.174.147	91,51%
12.	Chi phí khác	5.789.051	5.781.769	100,13%
13.	Lợi nhuận khác	55.682.856	61.392.378	90,70%
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.774.872.899	9.095.481.271	118,46%
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.289.595.350	2.050.084.487	111,68%
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.485.277.549	7.045.396.784	120,44%
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.884	2.882	100,07%

2. Về tình hình tài chính (Bảng cân đối kế toán): ĐVT: đồng

Số tt	TÀI SẢN	Số cuối năm	Số đầu năm	So sánh
1		2	3	4=2/3
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	30.071.282.635	28.820.383.584	104,3%
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.367.303.763	7.298.719.345	32,4%
1.	Tiền	2.367.303.763	1.798.719.345	131,6%
2.	Các khoản tương đương tiền	-	5.500.000.000	
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	19.000.000.000	12.300.000.000	154,5%
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	19.000.000.000	12.300.000.000	154,5%
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.996.583.443	4.601.455.057	86,9%
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.309.805.176	3.687.859.564	89,7%
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	492.180.230	32.445.700	1516,9%
6.	Phải thu ngắn hạn khác	314.598.037	1.001.149.793	31,4%
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	(120.000.000)	(120.000.000)	100,0%
IV.	Hàng tồn kho	4.707.395.429	4.620.209.182	101,9%
1.	Hàng tồn kho	4.797.427.640	4.715.073.982	101,7%

2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(90.032.211)	(94.864.800)	94,9%
V.	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	86.763.779.622	89.266.867.901	97,2%
I.	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	
II.	Tài sản cố định	1.102.410.859	1.450.252.892	76,0%
1.	Tài sản cố định hữu hình	1.102.410.859	1.450.252.892	76,0%
	- Nguyên giá	2.906.511.515	2.906.511.515	100,0%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(1.804.100.656)	(1.456.258.623)	123,9%
III.	Bất động sản đầu tư	82.823.452.507	87.098.980.738	95,1%
	- Nguyên giá	114.302.315.819	114.052.308.819	100,2%
	- Giá trị hao mòn lũy kế	(31.478.863.312)	(26.953.328.081)	116,8%
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	2.837.916.256	717.634.271	395,5%
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.837.916.256	717.634.271	395,5%
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	
VI.	Tài sản dài hạn khác	-	-	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	116.835.062.257	118.087.251.485	98,94%

Số tt	NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm	So sánh
	1	2	3	4=2/3
C.	NỢ PHẢI TRẢ	76.342.627.065	80.307.302.210	95,06%
I.	Nợ ngắn hạn	18.734.162.436	18.425.217.128	101,6%
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	6.350.372.349	7.107.909.760	89,34%
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.906.009.186	332.565.599	573,12%
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.694.681.452	4.141.009.598	89,22%
4.	Phải trả người lao động	1.201.400.916	467.576.193	256,94%
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.976.256.576	2.064.778.486	95,71%
9.	Phải trả ngắn hạn khác	2.754.629.102	3.853.082.996	71,49%
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	850.812.855	458.294.496	185,65%
II.	Nợ dài hạn	57.608.464.629	61.882.085.082	93,09%
7.	Phải trả dài hạn khác	57.608.464.629	61.882.085.082	93,09%
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	40.492.435.192	37.779.949.275	107,18%
I.	Vốn chủ sở hữu	40.492.435.192	37.779.949.275	107,18%
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	100,00%
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	25.000.000.000	25.000.000.000	100,00%
2.	Thặng dư vốn cổ phần	4.210.000.000	4.210.000.000	100,00%
8.	Quỹ đầu tư phát triển	6.788.632.736	5.940.104.982	114,28%
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.493.802.456	2.629.844.293	170,88%
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	2.629.844.293	-	
	- LNST chưa phân phối kỳ này	1.863.958.163	2.629.844.293	70,88%
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	116.835.062.257	118.087.251.485	98,94%

3. Phân tích các chỉ tiêu chủ yếu:

3.1. Kết quả kinh doanh

- Tổng doanh thu (gồm Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; Doanh thu hoạt động tài chính; Thu nhập khác) thực hiện năm 2016 là 108,73 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 114,45% KH 2016 và bằng 102,44% so với cùng kỳ năm 2015; trong đó, doanh thu thương mại đạt 117,62% KH 2016 và giảm 2,43% so với cùng kỳ năm 2015; **doanh thu dịch vụ đạt 106,94% KH 2016 và tăng 10,64% so cùng kỳ năm 2015;**

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2016 là 10,77 tỷ đồng; **Lợi nhuận trước thuế đạt tỷ lệ 109,95% KH 2016 và bằng 118,46% so với cùng kỳ năm 2015;**

- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu:** thực hiện năm 2016 2.884 đồng 1 cổ phần, tương đương 2015;

- **Cổ tức bằng tiền:** đã chi 03 đợt là 18% vốn Điều lệ (25 tỷ đồng), hoàn thành 100% kế hoạch 2016;

Như vậy, về cơ bản các chỉ tiêu chủ yếu về hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty đều có sự tăng trưởng so thực hiện năm 2015.

3.2. Về tài sản và nguồn vốn:

- Tổng tài sản cuối năm 2016: 116,83 tỷ đồng; tăng trưởng tổng tài sản cuối so đầu năm 2016: tổng tài sản giảm 1,06%, trong đó tài sản ngắn hạn tăng 4,3%, mức tăng 1,25 tỷ đồng; tài sản dài hạn giảm 2,8%, mức giảm 2,5 tỷ đồng, chủ yếu giảm do khấu hao tài sản cố định giảm với tỷ lệ giảm là 16,8%.

- Tổng nguồn vốn cuối năm 2016: 116,83 tỷ đồng; tăng trưởng tổng nguồn vốn cuối so đầu năm 2016 như mức tăng trưởng tổng tài sản; trong đó vốn chủ sở hữu tăng 7,18%, mức tăng 2,71 tỷ đồng; nợ phải trả giảm 4,94%, mức giảm 3,96 tỷ đồng, chủ yếu giảm do nợ dài hạn giảm với tỷ lệ giảm là 6,91%.

3.3. Các tỷ suất và hệ số tài chính:

- Tỷ suất lợi nhuận (=lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu)= 7,8%; tăng so với mức thực hiện năm 2015 (6,64%);

- Hệ số sinh lợi vốn chủ sở hữu (=Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu)= 20,96%; tăng so với mức thực hiện năm 2015 (18,65%);

- Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn: Hệ số này cho thấy Công ty có bao nhiêu tài sản ngắn hạn có thể chuyển đổi để đảm bảo thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Hệ số này từ 1 trở lên là tốt.

Hệ số này (=Tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn)= 1,61 (lần); tăng so với mức thực hiện năm 2015 (1,56 lần).

- Hệ số thanh toán nhanh nợ ngắn hạn: Hệ số này là hệ số thanh toán nợ ngắn hạn nhưng trong tài sản ngắn hạn thì không tính hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác. Hệ số này từ 0,5 trở lên là tốt.

Hệ số này (=Tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn)= 1,35 (lần); tăng so với mức thực hiện năm 2015 (1,31 lần).

- Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

Hệ số (= Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu)= 1,89 (lần); giảm so với mức thực hiện năm 2015 (2,13 lần). Hệ số này giảm phản ánh tình hình các khoản đầu tư của các đối tác góp vốn vào Công ty trước đây để thực hiện dự án nay đã giảm (do Công ty thực

hiện thanh toán hoàn trả vốn từ nguồn khấu hao tài sản cố định) và phản ánh tính hiệu quả của các dự án đầu tư của Công ty.

Kết luận: Các tỷ suất và hệ số trên cho thấy trong năm 2016 tình hình tài chính Công ty lành mạnh, kinh doanh đạt hiệu quả và có chiều hướng phát triển tốt hơn so với năm 2015.

3. Về chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đến 31/12/2016: 2.453,55 triệu đồng, gồm:

3.1. BĐS 169 Điện Biên Phủ: 607,59 triệu đồng, giữ nguyên so đầu năm;

3.2. BĐS 2019-221 XVNT: 1.726,24 triệu đồng, tăng 1.676,06 triệu đồng so với đầu năm 2016 do Công ty mua lại tài sản Công ty Phú Hưng Thịnh đầu tư vào dự án (sau khi đã trừ phần khấu hao và định giá lại giá trị còn lại của tài sản);

3.3. BĐS Trung tâm Bến Thành: 119,73 triệu đồng, tăng 59,86 triệu đồng so với đầu năm 2016 do Công ty thực hiện xây dựng cơ bản;

3.4. BĐS Trung tâm Đại Quang Minh: 384,36 triệu đồng, tăng 384,36 triệu đồng so với đầu năm 2016 do Công ty thực hiện sửa chữa lớn tài sản cố định.

III. Về hoạt động Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty:

1. Hội đồng quản trị:

- Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2016 đã thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của mình trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT đã tích cực tham gia ý kiến những hoạt động quan trọng của Công ty về chủ trương kinh doanh, về cơ chế hoạt động và một số vấn đề kinh doanh khác.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định với sự tham gia của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành để đưa ra những định hướng, những chủ trương nhằm mục tiêu hoàn thành và đã thực hiện vượt mức những chỉ tiêu năm 2016 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Hội đồng quản trị Công ty hoàn thiện về công tác nhân sự Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

+ Thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về không tổ chức Đại hội cổ đông bất thường về miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020;

+ Thực hiện bầu ông Trương Văn Rón giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT thay ông Trần Hữu Thọ, bầu ông Phạm Thế Hanh làm Phó chủ tịch HĐQT.

- Hội đồng quản trị đã giám sát các hoạt động của Ban điều hành trong tổ chức quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; đôn đốc Ban Điều hành xây dựng và thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm, kế hoạch từng quý nhằm hoàn thành những chỉ tiêu mà Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Hội đồng quản trị đã đề cao vai trò và trách nhiệm của mình trước cổ đông thể hiện qua việc làm tốt công tác dự báo và đưa ra các định hướng, chủ trương cho Ban Điều hành Công ty để tổ chức thực hiện.

- Hội đồng quản trị đã phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, giữa Ban Điều hành và các Bộ phận, Phòng Ban của Công ty nhằm đưa Công ty ngày càng hoạt động ổn định và phát triển.

- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên Hội đồng quản trị và sự đồng thuận cao của Cổ đông Công ty.

Ban Kiểm soát đánh giá cao vai trò của Hội đồng quản trị trong việc thực hiện trách nhiệm của mình trước cổ đông, trước người lao động và Công ty trên cơ sở tuân thủ đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Đối với Ban Điều hành:

- Ban Điều hành Công ty và các cán bộ quản lý từng Phòng, Ban đã tuân thủ theo đúng pháp luật, điều lệ, quy chế quản lý tài chính và các quy định hiện hành của Nhà nước nhằm triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị, đã thực hiện vượt mức những chỉ tiêu năm 2016 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty luôn được ổn định và phát triển qua từng năm. Ban Điều hành luôn thận trọng trong các hoạt động nhằm hạn chế rủi ro.

- Công tác hạch toán kế toán Công ty đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty.

- Các số liệu về tài chính, về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đã được Hội đồng quản trị báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông là xác thực, đúng với kết quả đạt được của Công ty và đã được kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán độc lập.

Ban Kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Ban điều hành trong việc quản trị, điều hành Công ty; biết khắc phục những khó khăn tồn tại, tận dụng những thời cơ thuận lợi để tổ chức triển khai hoạt động kinh doanh nhằm hoàn thành những mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra.

Trong năm 2016, với sự hỗ trợ tích cực và tạo điều kiện của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn theo quy định; có sự đồng thuận cao trong các đánh giá, kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông, Ban điều hành và các báo cáo trình bày trước Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty.

IV. Những kiến nghị

1. Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang: khi hoàn thành cần hoàn thiện hồ sơ và hạch toán chi phí.

2. Về đầu tư dự án: Đối với các bất động sản đầu tư của Công ty, Ban Kiểm soát đề nghị Công ty hoàn thiện đầy đủ các hồ sơ pháp lý theo quy định cho các tài sản này nhằm có cơ sở để ghi nhận giá trị các khoản mục đầu tư tại các dự án này.

3. Quản trị rủi ro:

Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty cần chú ý các rủi ro:

3.1. Trong kinh doanh: tiếp tục thận trọng, cần quản lý được tiền hàng, tránh công nợ phải thu khó đòi hoặc không có khả năng thu hồi. Hoạt động thương mại xuất nhập khẩu không để xảy ra gian lận thương mại, gian lận thuế và cần phòng ngừa rủi ro về tỷ giá;

3.2. Trong đầu tư dự án: quản lý chặt chẽ chi phí đầu tư, có giải pháp chia sẻ chi phí tiền thuê đất phải trả cho Nhà nước tăng với đối tác hợp tác. Nên thuê tư vấn độc

lập thẩm định giá trị công trình đầu tư dự án khi dự án hoàn thành đưa vào khai thác để có cơ sở trình xin phê duyệt quyết toán công trình.

Kính thưa Đại hội, trong năm 2016 với sự hỗ trợ tích cực và tạo điều kiện của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động trong Công ty đã giúp Ban Kiểm soát thực thi nhiệm vụ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

Qua báo cáo, đánh giá nêu trên, Ban Kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội cổ đông giao.

Xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, sự hỗ trợ và tạo mọi điều kiện thuận lợi của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động của Công ty trong năm qua giúp cho Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

Chân thành cảm ơn Đại hội. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Thành viên BKS;
- Lưu BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Ngọc Toàn